

Số: 81/2020/QĐST-HNGĐ

Phú Mỹ, ngày 28 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn T chung sống với nhau từ năm 2002. Ông, bà đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện GT, tỉnh Nam Định vào ngày 04/3/2002.

Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tin yêu lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho bà H, ông T được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn T có hai con chung là Phạm Văn Q, sinh ngày 09/4/2003 và Phạm Văn T1, sinh ngày 02/01/2005. Theo nguyện vọng của con, ông T, bà H thỏa thuận giao hai con cho bà Phạm Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Phạm Thị H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn T có hai con là Phạm Văn Q, sinh ngày 09/4/2003 và Phạm Văn T1, sinh ngày 02/01/2005. Theo nguyện vọng của con, ông T, bà H thỏa thuận giao hai con cho bà Phạm Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Phạm Thị H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004441 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã GT, huyện GT, tỉnh Nam Định;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Nhung